TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 9 - 9 -2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và ông Lê Hữu Thủy.
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình.

Ngày 9 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2022/HNGĐ - ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996
Trú tại: Thôn 5, xã Trung T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa
- **Bị đơn**: Anh Lê Văn D, sinh năm 1990
Địa chỉ: Xóm 10, xã Thọ D, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.
(Chị P, anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, chị Lê Thị T trình bày giữa chị và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn ngày 22/5/2017 tại UBND xã Trung T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị đoàn tụ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi yêu nhau anh, chị chưa tìm hiểu kỹ đã vội kết hôn, sau khi kết hôn anh D thường đi làm xa, vợ chồng không có nhiều thời gian để quan tâm và hiểu về nhau, nên tình cảm ngày càng nhạt dần, vợ chồng không thấy hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi nhau làm ảnh hưởng đến con chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân được hơn 02 năm, không còn quan tâm đến nhau. Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Nông C để ở.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Văn D.

Về phần con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Lê Bảo L, sinh ngày 01/01/2017, hiện nay cháu L đang ở cùng chị T, ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi con, yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T trình bày hiện nay chị đang đi làm tại công ty Kim Việt có địa chỉ tại Nông C, Thanh Hóa, thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000đ, cho nên cùng với sự cấp dưỡng nuôi con chung của anh D, chị T sẽ nuôi dạy con phát triển tốt.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn D trình bày vợ chồng anh, chị đăng ký kết hôn ngày 22/5/2017 tại UBND xã Trung T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đoàn tụ hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đi làm xa nhà nên vợ chồng không có nhiều thời gian để hiểu nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống và tính tình không hòa hợp nên anh, chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng anh sống xa nhau đã lâu, anh D cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Bảo L, sinh ngày 01/11/2017, hiện nay cháu đang ở cùng cô T. Ly hôn anh D đồng ý giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản và phần nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu Tòa án hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị chị Lê Thị T và anh Lê Văn D ly hôn. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Lê Bảo L, anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.Về án phí chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án " tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn D cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị T và anh Lê Văn D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị T và anh D đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017, ngày 22/5/2017. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đi làm xa, vợ chồng anh, chị không có nhiều thời gian để hiểu nhau, chưa tìm được tiếng nói chung, hay cãi nhau, chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân được hơn 02 (hai) năm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Chị Tg và anh D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T và anh Lê Văn D ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung với nhau, tên cháu là Lê Bảo L, sinh ngày 01/01/2017, hiện nay cháu Lộc đang ở cùng chị T. Ly hôn anh D và chị T đều có quan điểm giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[5]. Về án phí***:** Chị Lê Thị phải chịu án phí ly hôn. Anh Lê Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T và anh Lê Văn D được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Lê Bảo L, sinh ngày 01/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu Lộc đủ 18 tuổi.

Anh D đ□ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không đ□ợc ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung chị T không chăm sóc chu đáo ảnh h□ởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu L, thì anh D có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0005896 ngày 25 tháng 7 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn chị T đã nộp đủ, anh D phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị T, anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Trung Thành Huyện Nông Cống*
- *Chi cục Thi hành án DS*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Anh Lê Hữu Thủy Lê Thị Thủy

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Xuân Thọ.*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Thủy **Đào Thị Hiền** **Lê Thị Thủy**